

BÌNH LUẬN CỦA JBA VỀ LUẬT SỬA ĐỔI LUẬT SHTT CỦA VIỆT NAM

Người trình bày
Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam (JBAV)

STT.	Luật hiện hành	Dự thảo Sửa đổi	Kiến nghị
1.	<p>Điều 4. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>13. <i>Kiểu dáng công nghiệp</i> là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.</p> <p>20. <i>Nhãn hiệu nổi tiếng</i> là nhãn hiệu được người tiêu dùng biết đến rộng rãi trên toàn lãnh thổ Việt Nam.</p>		<p>Đề nghị bổ sung thêm từ “kê cả một phần kiểu dáng” vào cuối khoản 13</p> <p>Xin bỏ phần quy định “trên toàn lãnh thổ Việt Nam” ra khỏi khoản 20.</p>
2.	<p>Điều 7. Giới hạn quyền sở hữu trí tuệ</p> <p>1. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ chỉ được thực hiện quyền của mình trong phạm vi và thời hạn bảo hộ theo quy định của Luật này.</p>	<p>Điều 7. Giới hạn quyền sở hữu trí tuệ</p> <p>1. Chủ sở hữu trí tuệ chỉ được thực hiện quyền của mình trong phạm vi và thời hạn bảo hộ theo quy định của Luật này <u>và không được làm tổn hại đến quyền sở hữu trí tuệ cùng tồn tại hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác. Chính phủ quy định giới hạn giữa các loại quyền sở hữu trí tuệ khác nhau được bảo hộ độc lập với nhau.</u></p>	<p>Trước khi Chính phủ ban hành các hướng dẫn chi tiết như nêu tại điều này, xin cho phép JBAV có cơ hội và thời gian để đóng góp ý kiến của chúng tôi.</p>

	<p>2. Việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ không được xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và không được vi phạm các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Trong trường hợp nhằm bảo đảm mục tiêu quốc phòng, an ninh, dân sinh và các lợi ích khác của Nhà nước, xã hội quy định tại Luật này, Nhà nước có quyền cấm hoặc hạn chế chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền của mình hoặc buộc chủ thể quyền sở hữu trí tuệ phải cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng một hoặc một số quyền của mình với những điều kiện phù hợp.</p>	<p>2. Việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ không được xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và không được vi phạm các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Trong trường hợp nhằm bảo đảm mục tiêu quốc phòng, an ninh, dân sinh và các lợi ích khác của Nhà nước, xã hội quy định tại Luật này, Nhà nước có quyền cấm hoặc hạn chế chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền của mình hoặc buộc chủ thể quyền sở hữu trí tuệ phải cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng một hoặc một số quyền của mình với những điều kiện phù hợp.</p>	
<p>3.</p>	<p>Điều 25. Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm quy định tại khoản 1 Điều này không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm.</p>	<p>Điều 25. Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm quy định tại khoản 1 Điều này không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm.</p> <p>Chính phủ quy định cụ thể về các hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và lưu hành đĩa quang; sử dụng đĩa quang trắng để định hình, sao chép.</p>	<p>Trước khi Chính phủ ban hành các hướng dẫn chi tiết như nêu tại điều này, xin cho phép JBA có cơ hội và thời gian để đóng góp ý kiến của chúng tôi.</p>

	<p>3. Việc sử dụng tác phẩm trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với tác phẩm kiến trúc, tác phẩm tạo hình, chương trình máy tính.</p>	<p>3. Việc sử dụng tác phẩm trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này Các quy định tại điểm a, đ khoản 1 Điều này không áp dụng đối với tác phẩm kiến trúc, tác phẩm tạo hình, chương trình máy tính.</p>	
<p>4.</p>	<p>Điều 119. Thời hạn xử lý đơn đăng ký sở hữu công nghiệp</p> <p>1. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp được thẩm định hình thức trong thời hạn một tháng kể từ ngày nộp đơn.</p> <p>2. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp được thẩm định nội dung trong thời hạn sau đây:</p> <p>a) Đối với sáng chế là mười hai tháng kể từ ngày công bố đơn nếu yêu cầu thẩm định nội dung được nộp trước ngày công bố đơn hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu thẩm định nội dung nếu yêu cầu đó được nộp sau ngày công bố đơn;</p> <p>b) Đối với kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý là sáu tháng kể từ ngày công bố đơn.</p> <p>3. Thời hạn thẩm định lại đơn đăng ký sở hữu công nghiệp bằng hai phần ba thời hạn thẩm định lần đầu, đối với những vụ việc phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không vượt quá thời hạn thẩm định lần đầu.</p> <p>4. Thời gian dành cho việc sửa đổi, bổ sung đơn</p>	<p>Điều 119. Thời hạn xử lý đơn đăng ký sở hữu công nghiệp</p> <p>1. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp được thẩm định hình thức trong thời hạn <u>hai</u> một tháng kể từ ngày nộp đơn.</p> <p>2. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp được thẩm định nội dung trong thời hạn sau đây:</p> <p>a) Đối với sáng chế là <u>hai mươi tư</u> mười hai tháng kể từ ngày công bố đơn nếu yêu cầu thẩm định nội dung được nộp trước ngày công bố đơn hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu thẩm định nội dung nếu yêu cầu đó được nộp sau ngày công bố đơn;</p> <p>b) Đối với kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý là <u>mười hai</u> sáu tháng kể từ ngày công bố đơn.</p> <p>3. Thời hạn thẩm định lại đơn đăng ký sở hữu công nghiệp bằng hai phần ba thời hạn thẩm định lần đầu, đối với những vụ việc phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không vượt quá thời hạn thẩm định lần đầu.</p>	<p>Chúng tôi không tán thành với nội dung sửa đổi này, vì thời hạn đề xuất là quá dài mà luật lại không quy định rõ về cơ chế thẩm định nhanh. Điều này cũng đã được cam kết trong EPA (Điều 86.3). Mặt khác trong số 2.500 đơn có tới 2.400 đơn nước ngoài mà Chính phủ có thể sử dụng kết quả thẩm định ở nước ngoài. Luật SHTT của Nhật Bản cũng đã quy định về cơ chế thẩm định nhanh (Điều 48.6 đi kèm) mà Ban soạn thảo cũng nên tham chiếu</p>

	<p>không được tính vào các thời hạn quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.</p>	<p>4. Thời gian dành cho <u>người nộp đơn</u> sửa đổi, bổ sung đơn không được tính vào các thời hạn quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này. <u>Thời hạn xử lý các yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn không vượt quá một phần ba thời gian thẩm định tương ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</u>”</p> <p>5. <u>Thời hạn xử lý đơn đăng ký sở hữu công nghiệp quy định tại Điều này có thể được Chính phủ điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế trong từng giai đoạn theo đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ.</u>”</p>	
<p>5.</p>	<p>Điều 211. Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị xử phạt hành chính</p> <p>1. Các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ sau đây bị xử phạt hành chính:</p> <p>a) Thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội;</p> <p>b) Không chấm dứt hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ mặc dù đã được chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thông báo bằng văn bản yêu cầu chấm dứt hành vi đó;</p> <p>c) Sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán hàng</p>	<p>Điều 211. Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị xử phạt hành chính</p> <p>1. Các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ thuộc một trong các trường hợp sau đây bị xử phạt hành chính:</p> <p>a) Thực hiện Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội;</p> <p>b) Không chấm dứt Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hành vi cạnh tranh không lành mạnh được thực hiện một cách cố ý mặc dù đã được chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thông báo bằng văn bản yêu cầu chấm dứt hành vi đó;</p> <p>c) Sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán</p>	<p>1. Luật nên bổ sung các hành vi xâm phạm có tính cấu thành vào danh mục các đối tượng xử phạt hành chính,</p> <p>1. 2. Đề nghị bỏ quy định “giao cho người khác thực hiện hành vi này” ra khỏi Điều này. Việc giao cho người khác là một hành vi vi phạm cần được xử phạt ở mức độ phù hợp để đảm bảo tính răn đe (xin tham khảo Điều 101 của Luật SHTT của Nhật Bản mà chúng tôi gửi kèm ở đây).</p>

	<p>hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định tại Điều 213 của Luật này hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này;</p> <p><i>d) Sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán vật mang nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này.</i></p>	<p>Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có đối tượng trực tiếp là hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định tại Điều 213 của Luật này hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này;</p> <p>d) Hành vi sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán, hoặc tàng trữ tem, nhãn hoặc các vật khác mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo. trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này.</p>	
<p>6.</p>	<p>Điều 214. Các hình thức xử phạt hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả</p> <p>4. Mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được ấn định ít nhất bằng giá trị hàng hoá vi phạm đã phát hiện được và nhiều nhất không vượt quá năm lần giá trị hàng hoá vi phạm đã phát hiện được.</p> <p>Chính phủ quy định cụ thể cách xác định giá trị hàng hóa vi phạm.</p>	<p>Điều 214. Các hình thức xử phạt hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả</p> <p>4. Mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được ấn định ít nhất bằng giá trị hàng hoá vi phạm đã phát hiện được và nhiều nhất không vượt quá năm lần giá trị hàng hoá vi phạm đã phát hiện được.</p> <p>5. Chính phủ quy định mức tiền phạt tại điểm b khoản 1 Điều này phù hợp với pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. được ấn định ít nhất bằng giá trị hàng hoá vi phạm đã phát hiện được và nhiều nhất không vượt quá năm lần giá trị hàng hoá vi phạm đã phát hiện được.</p>	<p>Trước khi Chính phủ ban hành các hướng dẫn chi tiết, hãy cho phép JBA có cơ hội và thời gian để đóng góp ý kiến của chúng tôi.</p>

7.		<p><u>Điều 220^A. Giải quyết khiếu nại về sở hữu trí tuệ</u></p> <p><i>Chính phủ quy định chi tiết về việc giải quyết khiếu nại liên quan đến các thủ tục đăng ký, xác lập, chuyển giao và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với tính chất đặc thù của các thủ tục đó.</i></p>	<p>Trước khi Chính phủ ban hành các hướng dẫn chi tiết, hãy cho phép JBA có cơ hội và thời gian để đóng góp ý kiến của chúng tôi.</p>

TRÍCH DẪN LUẬT VỀ BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ CỦA NHẬT BẢN
(Luật số 121 năm 1959)

Điều 48-6: (Ưu tiên Thẩm định)

Khi mọi người đều thừa nhận rằng có một người không phải là người nộp đơn cũng đang khai thác kinh doanh đối với sáng chế là đối tượng nêu trong đơn yêu cầu cấp bằng độc quyền sáng chế sau thời điểm chính thức mở đơn, thì nếu cần thiết Giám đốc Văn phòng Bằng độc quyền sẽ yêu cầu thẩm định viên ưu tiên thẩm định đơn xin cấp bằng sáng chế đó so với các đơn khác.

Điều 101 (Các hành vi bị coi là hành vi xâm phạm)

Các hành vi dưới đây sẽ bị coi là hành vi xâm phạm quyền đối với bằng độc quyền sáng chế hoặc giấy phép độc quyền:

- (i) đối với một sản phẩm đã được cấp bằng độc quyền sáng chế, thì bất cứ hành vi sản xuất, chuyển nhượng ..., nhập khẩu hoặc chào chuyển nhượng ... bất cứ sản phẩm nào được sử dụng riêng để sản xuất ra sản phẩm đó vì mục đích kinh doanh sẽ bị coi là hành vi xâm phạm;
- (ii) đối với một sản phẩm đã được cấp bằng độc quyền sáng chế, thì mọi hành vi sản xuất, chuyển nhượng ..., nhập khẩu hoặc chào chuyển nhượng ... bất cứ sản phẩm nào nhằm mục đích kinh doanh (trừ những sản phẩm đã được phân phối rộng rãi tại Nhật) được sử dụng độc quyền để sản xuất ra sản phẩm đó và có ý nghĩa tối cần thiết cho việc giải quyết vấn đề bởi sáng chế đã nêu, mà biết rằng sáng chế đó là sáng chế đã được cấp bằng độc quyền và sản phẩm đó là sản phẩm dùng riêng cho việc tạo ra sáng chế, sẽ bị coi là hành vi xâm phạm;
- (iii) đối với một sản phẩm đã được cấp bằng độc quyền sáng chế, thì mọi hành vi chế biến sản phẩm đã nêu vì mục đích kinh để chuyển nhượng ... hay xuất khẩu doanh sẽ bị coi là hành vi xâm phạm;
- (iv) đối với một quy trình đã được cấp bằng độc quyền sáng chế, thì mọi hành vi sản xuất, chuyển nhượng ... nhập khẩu hay chào chuyển nhượng ... bất cứ sản phẩm nào được dùng riêng cho quy trình nói trên vì mục đích kinh doanh sẽ bị coi là hành vi xâm phạm; và
- (v) đối với một quy trình đã được cấp bằng độc quyền sáng chế, thì mọi hành vi sản xuất, chuyển nhượng ... nhập khẩu hay chào nhập khẩu ... bất cứ sản phẩm nào vì mục đích kinh doanh trừ những sản phẩm đã được phân phối rộng rãi (trên lãnh thổ Nhật) được dùng riêng cho quy trình nói

trên và có ý nghĩa tối cần thiết cho việc giải quyết vấn đề của sáng chế nói trên, mà biết rằng sáng chế đó là sáng chế đã được cấp bằng độc quyền và sản phẩm đó là sản phẩm dùng riêng cho việc tạo ra sáng chế, sẽ bị coi là hành vi xâm phạm;

(vi) đối với một quy trình sản xuất một sản phẩm đã được cấp bằng độc quyền sáng chế, thì mọi hành vi chế biến sản phẩm được tạo ra từ quy trình nói trên vì mục đích kinh doanh để chuyển nhượng ... hay xuất khẩu sẽ bị coi là hành vi xâm phạm.